

phần như đã nêu trong chỉ thị số 132-TTg ngày 4-12-1969 của Thủ tướng Chính phủ.

Do không còn phải nộp thuế sát sinh, không còn thu mua 100% số lợn của người chăn nuôi và không còn để lại thịt cho họ bằng tem phiếu, cho nên khi thu mua lợn, mậu dịch quốc doanh thực phẩm không phải trả trước số tiền giảm thuế sát sinh cho người chăn nuôi nữa. Số vốn công ty thực phẩm được ngân sách cấp để trả trước số tiền giảm thuế này, nay phải nộp lại cho ngân sách. Người chăn nuôi vẫn được miễn thuế sát sinh đối với một phần số thịt được dành lại (xem hướng dẫn ở đoạn 2 dưới theo đúng như thông tư số 125-TTg/TN ngày 31-12-1964 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định).

Phần thuế sát sinh trước đây trích cho ngân sách xã nay được thay bằng một tỷ lệ phần trăm (%) của khoản thu cho ngân sách tỉnh, thành phố theo chế độ khuyến khích giao nộp nông sản, thực phẩm (sẽ hướng dẫn chi tiết riêng).

2. Đối với số lợn để lại cho người chăn nuôi, sau khi họ đã làm nghĩa vụ bán lợn cho Nhà nước, thì khi giết thịt, người chăn nuôi phải nộp thuế 6đ/1 con nhưng được giảm 15% (0đ90) nếu ở đồng bằng, hoặc 20% (1đ20) nếu ở miền núi (tức là chỉ phải nộp 5đ10 hoặc 4đ80). Xã ở đồng bằng cũng như ở miền núi, vẫn được trích cho ngân sách xã, mức cố định 0đ80/1 con lợn giết thịt như cũ.

3. Đối với các trường hợp giết thịt lợn khác (giết thịt lợn tự lực chăn nuôi, giết thịt lợn trong các đám ma, đám cưới ở miền núi v.v...), việc thu và miễn giảm thuế sát sinh vẫn thi hành như quy định trong các thông tư số 01-TC/TT ngày 5-1-1965 và số 3-TT/LB ngày 21-1-1965.

4. Đối với những nơi, vì lý do nào đó, Ủy ban hành chính địa phương còn cho phép công ty thực phẩm tiếp tục thu mua toàn bộ số lợn xuất chuồng đồng thời để lại một số thịt cho người chăn nuôi bằng cách cấp tem phiếu hoặc sổ, để mua thịt của Mậu dịch thực phẩm: sẽ hướng dẫn sau.

Đề nghị Ủy ban hành chính chỉ đạo chặt chẽ việc thi hành các quy định trong thông tư này. Trong khi thi hành, nếu có vướng mắc gì, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết.

Hà-nội, ngày 29 tháng 12 năm 1969

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

THÔNG TƯ số 301-TCHC/VX ngày 31-12-1969 hướng dẫn việc cấp phát khoản phụ cấp cho các đối tượng được mua vải tiêu chuẩn theo giá cung cấp.

Đề đơn giản công việc kế toán, góp phần cải tiến quản lý kinh tế — tài chính của ngành thương nghiệp, theo quyết định số 140-TTg ngày 29-12-1969 của Thủ tướng Chính phủ, kể từ ngày 1-1-1970, các đối tượng thuộc diện được mua vải theo giá cung cấp (giá bán lẻ của Nhà nước trừ 20%), nay được ngân sách Nhà nước phụ cấp mỗi người 3đ60/năm để mua vải theo giá bán lẻ của thương nghiệp áp dụng chung cho cả nhân dân và cán bộ.

Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp phát khoản phụ cấp trên như sau:

1. Cấp phát theo tiêu chuẩn đồng loạt mỗi người 3đ60 một năm cho các đối tượng được hưởng chế độ mua vải theo giá cung cấp theo đúng chính sách, chế độ của Nhà nước đã quy định.

2. Khoản phụ cấp 3đ60 được cấp phát một lần vào đầu năm. Những người trong năm được vào diện được hưởng phụ cấp này, cũng được cấp.

3. Thủ tục và nguồn kinh phí cấp phát:

Đối với những người được mua vải theo giá cung cấp thuộc cơ quan, đơn vị nào quản lý (trả lương, sinh hoạt phí, trợ cấp v.v...) thì cơ quan, đơn vị đó phụ trách trả khoản phụ cấp để mua vải nói trên.

Kinh phí đề chi về khoản phụ cấp này giải quyết như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính, sự nghiệp: Cơ quan dự trù vào dự toán chi của mình theo khoản hạn hiện đang áp dụng và quản lý kinh phí đó theo chế độ hiện hành về lập và chấp hành ngân sách Nhà nước.

b) Đối với các cơ quan thuộc hệ thống Đảng, đoàn thể và các tổ chức có quỹ kinh phí riêng như Tổng công đoàn Việt-nam, nhà ăn tập thể, nhà trẻ... thì kinh phí nói trên do quỹ đó gánh chịu.

c) Đối với các xí nghiệp quốc doanh (bao gồm cả công, nông, lâm trường và xí nghiệp công tư hợp doanh quản lý tiền lương theo chế độ như quốc doanh) thì kinh phí cấp qua ngành chủ quản để phân phối cho xí nghiệp và ghi vào hạng 15 (chi về sự nghiệp khác). Riêng đối với ngành giao thông, thì ghi vào hạng 21. Về khoản, thì ngành thuộc khoản nào, ghi vào

khoản ấy. Về mục chi: ghi thống nhất thành một tiết «phụ cấp mua vải» trong mục 3, phúc lợi tập thể.

d) Đối với công nhân, viên chức và quân nhân về hưu hay thôi việc vì mất sức lao động, thương binh về địa phương sản xuất thì kinh phí phụ cấp chi vào quỹ hưu trí (loại VII, khoản 76) hay vào khoản chi khác về thương binh liệt sĩ (loại II, khoản 43, hạng 6), v.v...

Kinh phí phụ cấp trên đây của các cơ quan, xí nghiệp địa phương do ngân sách địa phương gánh chịu, kinh phí phụ cấp của các cơ quan, xí nghiệp trung ương (kể cả xí nghiệp của trung ương đóng ở địa phương) do ngân sách trung ương gánh chịu.

Thông tư này thi hành kể từ 1-1-1970. Trong khi thi hành các sở, ty tài chính cần kết hợp với sở, ty thương nghiệp để kiểm tra việc cấp phát khoản phụ cấp này ở các cơ quan, xí nghiệp, công trường... cũng như từ các quỹ hưu trí, khoản chi thương binh v.v... cho chặt chẽ, đúng đối tượng, bảo đảm thực hiện đúng chính sách, chế độ của Nhà nước. Nếu có mắc mứu khó khăn gì, đề nghị phản ánh Bộ Tài chính nghiên cứu giải quyết.

Hà-nội, ngày 31 tháng 2 năm 1969

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH